



## Thực trạng chất lượng cuộc sống trong công việc của điều dưỡng và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông năm 2025

Nguyễn Thị Lệ Xuân<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Thuận<sup>1</sup>  
<sup>1</sup>Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả chất lượng cuộc sống trong công việc của điều dưỡng và xác định một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông năm 2025. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 135 điều dưỡng/hộ sinh/kỹ thuật y có thâm niên  $\geq 6$  tháng. Bộ công cụ QNWL của Brooks (2004) được sử dụng để thu thập dữ liệu; phân tích bằng SPSS 20.0 với thống kê mô tả và kiểm định Chi-square. **Kết quả:** Điểm trung bình chất lượng cuộc sống trong công việc chung là  $197,09 \pm 20,49$  tương ứng với 81,5% điều dưỡng ở mức cao. Khía cạnh “Môi trường làm việc và cơ hội phát triển nghề nghiệp” có tỷ lệ mức cao (97,8%), tiếp theo là “Đặc thù công việc” (83,7%). Giới tính ( $p = 0,027$ ) và khoa làm việc ( $p = 0,028$ ) có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với chất lượng cuộc sống trong công việc. **Kết luận:** Đa số điều dưỡng có chất lượng cuộc sống trong công việc ở mức cao. Bệnh viện cần tăng cường các giải pháp hỗ trợ cân bằng công việc cuộc sống và điều chỉnh chính sách theo đặc thù từng khoa để tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc sống nghề nghiệp cho đội ngũ điều dưỡng.

**Từ khoá:** Điều dưỡng, Chất lượng cuộc sống công việc; Yếu tố liên quan; Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông

## Work-Related quality of life and associated factors among nurses at Cua Dong General Hospital in 2025

Nguyen Thi Le Xuan<sup>1</sup>, Nguyen Thi Thuan<sup>1</sup>  
<sup>1</sup>Cua Dong General Hospital

### ABSTRACT

**Objectives:** To describe the work-related quality of life among nurses and identify associated factors at Cua Dong General Hospital in 2025. **Methods:** A cross-sectional study was conducted among 135 nurses/midwives/allied health staff with  $\geq 6$  months of experience. Data were collected using Brooks' 42-item Quality of Nursing Work Life questionnaire. Statistical analyses were performed in SPSS 20.0 using descriptive statistics and Chi-square tests. **Results:** The overall work-related quality of life score averaged  $197.09 \pm 20.49$ , with 81.5% of nurses classified at a high level. The “Work environment and professional development opportunities” domain had the highest proportion of high scores (97.8%), followed by “Work context” (83.7%). Gender ( $p = 0.027$ ) and working department ( $p = 0.028$ ) were significantly associated with work-related quality of life. **Conclusion:** The majority of nurses reported a high level of quality of work life. The hospital should strengthen measures to support work-life balance and adjust policies according to the specific characteristics of each department in order to further enhance the professional quality of work life for the nursing workforce.

**Keywords:** Nurse, Work-related quality of life; Associated factors; Cua Dong General Hospital

Tác giả: Nguyễn Thị Lệ Xuân  
Email: nguyenlexuan1985@gmail.com  
DOI: 10.54436/jns.2025.06.1096

Ngày nhận bài: 15/9/2025  
Ngày hoàn thiện: 11/12/2025  
Ngày đăng bài: 12/12/2025

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Chất lượng cuộc sống trong công việc là một trong những yếu tố cốt lõi quyết định mức độ hài lòng nghề nghiệp, hiệu suất công việc cũng như ý định gắn bó lâu dài của điều dưỡng. Điều dưỡng là lực lượng chiếm tỷ lệ cao nhất trong hệ thống cung ứng dịch vụ y tế, chịu áp lực lớn từ cường độ làm việc, trách nhiệm chuyên môn và sự kỳ vọng của người bệnh. Do đó, việc đánh giá Chất lượng cuộc sống trong công việc ngày càng trở thành ưu tiên trong quản lý nhân lực điều dưỡng ở nhiều quốc gia.

Trên thế giới, nhiều nghiên cứu đã khẳng định mối liên hệ chặt chẽ giữa Chất lượng cuộc sống trong công việc với ý định nghỉ việc và chất lượng chăm sóc. Tại Ả Rập Xê Út, Kaddourah và cộng sự (2018) cho thấy chất lượng cuộc sống trong công việc thấp làm tăng đáng kể ý định nghỉ việc của điều dưỡng tại các bệnh viện tuyến cuối<sup>1</sup>. Một nghiên cứu khác của Alharbi (2019) cũng ghi nhận rằng môi trường làm việc và khối lượng công việc là những yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến chất lượng cuộc sống trong công việc<sup>2</sup>. Các nghiên cứu khu vực châu Á gần đây nhấn mạnh tầm quan trọng của cân bằng công việc - cuộc sống và cơ hội phát triển nghề nghiệp đối với chất lượng cuộc sống trong công việc của điều dưỡng.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu bước đầu cho thấy chất lượng cuộc sống trong công việc của điều dưỡng vẫn còn nhiều thách thức. Lê Thị Thắm và cộng sự (2023) ghi nhận điều dưỡng có chất lượng cuộc sống nghề nghiệp ở mức trung bình, chịu ảnh hưởng bởi đặc thù công việc và môi trường bệnh viện<sup>3</sup>. Tương tự, nghiên cứu tại Bệnh viện Chợ Rẫy cho thấy điều dưỡng phải đối mặt với áp lực công việc cao, làm giảm mức độ hài lòng nghề nghiệp<sup>4</sup>. Nghiên cứu tại

Bệnh viện Quân y 175 (2020) cũng cho thấy mức chất lượng cuộc sống trong công việc chịu tác động bởi trình độ chuyên môn và phân khu công tác<sup>5</sup>.

Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông là bệnh viện đa khoa ngoài công lập lớn trong khu vực Bắc Trung Bộ, với số lượng điều dưỡng chiếm tỷ lệ đáng kể trong lực lượng hỗ trợ chăm sóc người bệnh. Tuy nhiên, đến nay chưa có nghiên cứu nào đánh giá một cách toàn diện chất lượng cuộc sống trong công việc của điều dưỡng tại bệnh viện. Việc khảo sát chất lượng cuộc sống trong công việc không chỉ giúp nhận diện các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến động lực làm việc, mà còn là cơ sở quan trọng để nhà quản lý xây dựng môi trường làm việc tích cực, giữ chân nhân lực và nâng cao chất lượng dịch vụ. Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu “*Thực trạng chất lượng cuộc sống trong công việc của điều dưỡng và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông năm 2025*” được tiến hành nhằm cung cấp bằng chứng khoa học phục vụ công tác quản lý và hoạch định chính sách nhân lực điều dưỡng.

## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

### Đối tượng nghiên cứu

*Tiêu chuẩn chọn mẫu:* Điều dưỡng chính thức có thâm niên làm việc trên 06 tháng.

- Điều dưỡng đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

*Tiêu chuẩn loại trừ:* Điều dưỡng ở vai trò quản lý.

- Điều dưỡng nghỉ thai sản, đi học dài hạn.

### Thời gian và địa điểm nghiên cứu:

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 3 đến tháng 6/2025 tại Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông.

**Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

**Cỡ mẫu nghiên cứu:** được xác định theo công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu mô tả tỷ lệ:

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

$Z_{1-\alpha/2} = 1,96$  ứng với mức tin cậy 95%;

$p$  là tỷ lệ điều dưỡng có chất lượng cuộc sống công việc mức cao theo các nghiên cứu trước; Dựa trên nghiên cứu của Đỗ Thị Hồng Vân và cộng sự<sup>5</sup>, tỷ lệ điều dưỡng có chất lượng cuộc sống trong công việc ở mức cao  $p = 0,66$ .

$d$  là sai số cho phép chọn. Như vậy, cỡ mẫu tối thiểu cần thiết là khoảng 135 điều dưỡng. Trong thực tế, tổng số điều dưỡng/hộ sinh/kỹ thuật y đang làm việc tại Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông và thỏa tiêu chuẩn chọn mẫu là 135 người, do đó nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ (census) để đảm bảo tính đại diện và giảm sai lệch chọn mẫu.

### Bộ công cụ khảo sát.

- Phần 1: Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

- Phần 2: Bộ câu hỏi khảo sát chất lượng cuộc sống trong công việc của Beth A Brooks (2004) để đo lường mức độ chất lượng cuộc sống trong công việc của điều dưỡng. Đây là bộ công cụ được xây dựng dành riêng của đối tượng điều dưỡng; đã được dịch sang tiếng Việt bởi tác giả Đinh Thị Hồng Vân có hệ số Cronbach's Alpha là 0,81<sup>5</sup>. Bộ câu hỏi gồm 42 câu theo 04 khía cạnh chính; mỗi câu được cho điểm dựa trên thang điểm Likert 06 mức độ (1->6) từ rất không đồng ý đến rất đồng ý. Cộng điểm các câu tương ứng với từng khía cạnh, kết

quả thu được sẽ là điểm số chất lượng cuộc sống trong công việc từng khía cạnh.

Cấu trúc của bộ câu hỏi chất lượng cuộc sống trong công việc bao gồm 04 khía cạnh:

\* Chất lượng cuộc sống gia đình và công việc (07 câu hỏi).

\* Đặc thù công việc (10 câu hỏi).

\* Môi trường làm việc và cơ hội phát triển nghề nghiệp (20 câu hỏi).

\* Quan niệm xã hội về nghề nghiệp (05 câu hỏi).

Thang đo chất lượng cuộc sống trong công việc: tổng điểm là 252 điểm trong đó

Chất lượng cuộc sống trong công việc thấp: 42 - 112 điểm.

Chất lượng cuộc sống trong công việc trung bình: 113 - 182 điểm.

Chất lượng cuộc sống trong công việc cao : 183- 252 điểm.

**Phương pháp phân tích số liệu:** Tất cả các dữ liệu phản hồi được kiểm tra, mã hóa, làm sạch và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0. Thống kê mô tả bằng tần số và tỉ lệ phần trăm hoặc điểm trung bình (độ lệch chuẩn), được sử dụng mô tả cho các biến số về đặc điểm của đối tượng nghiên cứu, chất lượng cuộc sống trong công việc của điều dưỡng. OR và 95%CI được dùng để tìm mối liên hệ giữa chất lượng cuộc sống trong công việc của điều dưỡng và các thông tin, đặc điểm của đối tượng nghiên cứu. Kết quả có ý nghĩa thống kê khi  $p < 0,05$ .

**Đạo đức của nghiên cứu:** Nghiên cứu tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc đạo đức. Đồng thời, nghiên cứu được sự ủng hộ cho phép tiến hành của Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông. Đối tượng nghiên cứu được giải thích rõ về mục đích nghiên cứu và đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

## KẾT QUẢ

**Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của điều dưỡng (n = 135)**

Thông tin chung		n	%
Giới	Nam	27	20,0
	Nữ	108	80,0
Nhóm tuổi	Dưới 35 tuổi	111	82,2
	Trên 35 tuổi	24	17,8
Tình trạng hôn nhân	Độc thân/ly hôn	32	23,7
	Đã kết hôn	103	76,3
Trình độ chuyên môn	Trung cấp, Cao đẳng	80	59,3
	Đại học	55	40,7
Khoa làm việc	Khối lâm sàng	76	56,3
	Khối cận lâm sàng	59	43,7

Bảng 1 cho biết đa số điều dưỡng tham gia nghiên cứu là nữ (80%), và dưới 35 tuổi chiếm tỷ lệ cao (82,2%). Về trình độ chuyên môn, phần lớn điều dưỡng có trình độ trung cấp và cao đẳng (59,3%), và đa số làm việc tại khối lâm sàng (56,3%).

**Bảng 2. Đánh giá chất lượng cuộc sống công việc của điều dưỡng (n = 135)**

Khía cạnh	Min- Max	Mean $\pm$ SD	Mức độ chất lượng cuộc sống trong công việc		
			Thấp n (%)	Trung bình n (%)	Cao n (%)
Chất lượng cuộc sống gia đình và công việc	17- 42	31,69 $\pm$ 4,75	2 (1,5)	39 (28,9)	94 (69,6)
Đặc thù công việc	28- 60	44,09 $\pm$ 5,76	0 (0)	22 (16,3)	113 (83,7)
Môi trường làm việc và cơ hội phát triển nghề nghiệp	47- 120	100,09 $\pm$ 11,13	0 (0)	3 (2,2)	132 (97,8)
Quan niệm xã hội về nghề nghiệp	14- 30	21,20 $\pm$ 3,10	0 (0)	50 (37)	85 (63)
Chất lượng cuộc sống trong công việc	126- 252	197,09 $\pm$ 20,49	0 (0)	25 (18,5)	110 (81,5)

Bảng 2 cho biết điểm chất lượng cuộc sống trong công việc chung của điều dưỡng đạt  $197,09 \pm 20,49$ , tương ứng tỷ lệ chất lượng cuộc sống trong công việc của điều dưỡng đạt mức cao là 81,5% và mức trung bình là 18,5%. Ở từng khía cạnh, “Môi trường làm việc và cơ hội phát triển nghề nghiệp” có điểm trung bình  $100,09 \pm 11,13$  tương ứng với 97,8% điều dưỡng đạt mức cao. Khía cạnh “Đặc thù công việc” có điểm trung bình  $44,09 \pm 5,76$ , tương ứng 83,7% điều dưỡng đạt mức cao. Khía cạnh “Chất lượng cuộc sống gia đình và công việc” có điểm trung bình  $31,69 \pm 4,75$  tương ứng 69,6% điều dưỡng đạt mức cao.

**Bảng 3. Một số yếu tố liên quan đến chất lượng cuộc sống công việc của điều dưỡng (n = 135)**

Thông tin chung		Chất lượng cuộc sống trong công việc		p	OR 95%CI
		Cao n (%)	Trung bình/ thấp n (%)		
Giới	Nam	26 (96)	1 (96)	0,027	7,4 (0,95 – 57,59)
	Nữ	84 (76,4)	24 (23,6)		
Nhóm tuổi	Dưới 35	91 (82)	20 (18)	0,747	1,19 (0,40 – 3,59)
	Trên 35	19 (79,2)	5 (20,8)		
Tình trạng hôn nhân	Độc thân/ly hôn	26 (81,3)	6 (18,7)	0,969	1,02 (0,37 – 2,82)
	Đã kết hôn	84 (81,6)	19 (18,4)		
Trình độ chuyên môn	Trung cấp, Cao đẳng	68 (85)	12 (15)	0,204	1,75 (0,73 – 4,20)
	Đại học	42 (76,4)	13 (23,6)		
Khoa làm việc	Khối lâm sàng	19 (25)	57 (75)	0,028	0,34 (0,13 – 0,92)
	Khối cận lâm sàng	6 (10,2)	53 (89,8)		

Kết quả phân tích tại bảng 3 cho thấy có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa chất lượng cuộc sống trong công việc với giới tính ( $p = 0,027$ ): tỷ lệ điều dưỡng nam đạt mức chất lượng cuộc sống trong công việc cao (96%) cao hơn nữ (76,4%) và  $OR = 7,429$  và 95%CI: 0,95 – 57,59. Bên cạnh đó, khoa làm việc cũng có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với chất lượng cuộc sống trong công việc ( $p = 0,028$ ), trong đó khối cận lâm sàng có 89,8% điều dưỡng thuộc mức trung bình/thấp, cao hơn khối lâm sàng (75%). Các yếu tố tuổi, tình trạng hôn nhân và trình độ chuyên môn không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với chất lượng cuộc sống trong công việc ( $p > 0,05$ ), với tỷ lệ phân bố giữa nhóm cao và trung bình/thấp tương đối đồng ở các nhóm này.

## BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng cuộc sống công việc chung của điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông đạt mức cao, với điểm trung bình  $197,09 \pm 20,49$ . Tỷ lệ điều dưỡng đạt mức chất lượng cuộc sống trong công việc cao (81,5%) tương đồng với một số nghiên cứu quốc tế ghi nhận mức chất lượng cuộc sống trong công việc khá thuận lợi trong các môi trường bệnh viện ổn định<sup>6</sup>. Đồng thời, kết quả này cũng tương tự nghiên cứu tại Bệnh viện Quân y 175, nơi phần lớn điều dưỡng có chất lượng cuộc sống trong công việc ở mức cao<sup>5</sup>. Ở từng khía cạnh thành phần, “Môi trường làm việc và cơ hội phát triển nghề nghiệp” đạt điểm trung bình cao nhất ( $100,09 \pm 11,13$ ), với 97,8% điều dưỡng ở mức cao. Điều này phù hợp với nhận định của Lê Thị Thẩm và cộng sự (2023), rằng cơ hội phát triển nghề nghiệp và môi trường hỗ trợ là yếu tố quan trọng tạo nên chất lượng cuộc sống trong công việc tích cực<sup>3</sup>. Bên cạnh đó, khía cạnh “Đặc thù công việc” cũng có điểm số trung bình cao ( $44,09 \pm 5,76$ ), tương tự các nghiên cứu quốc tế cho thấy điều dưỡng có kinh nghiệm và sự thích nghi cao thường đánh giá tích cực hơn về tính chất công việc<sup>6</sup>. Ngược lại, điểm trung bình của khía cạnh “Chất lượng cuộc sống gia đình và công việc” ( $31,69 \pm 4,75$ ) thấp hơn so với các khía cạnh còn lại. Nội dung này trùng hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Liên và cộng sự (2022), trong đó điều dưỡng thường gặp khó khăn trong cân bằng giữa công việc và cuộc sống cá nhân, dẫn đến mức điểm ở khía cạnh này không cao<sup>4</sup>. Phân tích mối liên quan cho thấy giới tính có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với chất lượng cuộc sống trong công việc ( $p = 0,027$ ). Nhóm nam có tỷ lệ chất lượng cuộc sống trong công việc cao

(96%) nhiều hơn nữ (76,4%), tương tự phát hiện của Kaddourah (2018), trong đó nam giới có xu hướng đánh giá công việc tích cực hơn nữ giới<sup>1</sup>. Ngoài ra, khoa làm việc cũng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p = 0,028$ ). Điều dưỡng khối cận lâm sàng có tỷ lệ chất lượng cuộc sống trong công việc trung bình/thấp cao hơn (89,8%) so với khối lâm sàng, điều này phù hợp với nghiên cứu của Alharbi (2019), khi môi trường làm việc và loại hình nhiệm vụ có thể ảnh hưởng khác nhau đến chất lượng cuộc sống trong công việc<sup>2</sup>. Trong khi đó, các yếu tố như tuổi, tình trạng hôn nhân và trình độ chuyên môn không có mối liên quan thống kê với chất lượng cuộc sống trong công việc ( $p > 0,05$ ). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Liu và Leeniwa (2024), cho thấy chất lượng cuộc sống trong công việc không phải lúc nào cũng phụ thuộc vào đặc điểm nhân khẩu học mà chịu tác động nhiều hơn từ yếu tố môi trường và đặc thù nghề nghiệp<sup>7</sup>. Nhìn chung, kết quả của nghiên cứu góp phần bổ sung thêm bằng chứng về thực trạng chất lượng cuộc sống trong công việc của điều dưỡng tại các bệnh viện Việt Nam. Sự tương đồng với nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống trong công việc có tính phổ quát, đồng thời phản ánh đặc trưng chung của nghề điều dưỡng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy giới tính có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với chất lượng cuộc sống trong công việc của điều dưỡng, trong đó điều dưỡng nam có tỷ lệ mức cao cao hơn nữ (96% so với 76,4%;  $p = 0,027$ ). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Kaddourah<sup>1</sup>, ghi nhận nam giới có xu hướng đánh giá chất lượng cuộc sống trong công việc tích cực hơn. Tương tự, nghiên cứu của Alharbi<sup>2</sup> cũng cho thấy

những khác biệt về giới có thể ảnh hưởng đến cảm nhận chất lượng cuộc sống nghề nghiệp của điều dưỡng. Nguyên nhân có thể liên quan đến sự khác biệt về mức độ chịu áp lực tâm lý và khối lượng công việc giữa nam và nữ trong môi trường bệnh viện. Ngoài ra, khoa làm việc cũng có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với chất lượng cuộc sống trong công việc ( $p = 0,028$ ), phù hợp với kết quả của Đỗ Thị Hồng Vân <sup>5</sup>, khi điều dưỡng ở các khoa có nhiệm vụ đặc thù khác nhau có thể chịu mức độ áp lực nghề nghiệp không giống nhau. Điều này có thể xuất phát từ sự khác biệt trong tính chất công việc, yêu cầu chuyên môn hoặc môi trường làm việc giữa khối lâm sàng và cận lâm sàng. Trong khi đó, tuổi, hôn nhân và trình độ chuyên môn không có mối liên quan đáng kể với chất lượng cuộc sống trong công việc, tương tự kết quả ghi nhận trong nghiên cứu của Liu <sup>7</sup>. Từ các kết quả này, bệnh viện cần cân nhắc xây dựng các chương trình hỗ trợ phù hợp theo đặc thù giới và từng khoa nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống công việc của điều dưỡng.

Hạn chế của nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện theo thiết kế mô tả cắt ngang nên không đánh giá được mối quan hệ nhân-quả giữa các yếu tố và chất lượng cuộc sống công việc. Đối tượng nghiên cứu chỉ giới hạn tại một bệnh viện nên kết quả chưa thể khái quát cho toàn bộ hệ thống điều dưỡng ở các cơ sở y tế khác.

## KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy chất lượng cuộc sống công việc của điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông đạt mức cao, với điểm trung bình  $197,09 \pm 20,49$  và phần lớn điều dưỡng thuộc nhóm chất lượng cuộc

sống trong công việc cao. Trong bốn khía cạnh đánh giá, “Môi trường làm việc và cơ hội phát triển nghề nghiệp” và “Đặc thù công việc” có điểm số cao nhất, trong khi khía cạnh “Chất lượng cuộc sống gia đình và công việc” thấp hơn. Về mối liên quan, giới tính và khoa làm việc có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với chất lượng cuộc sống trong công việc, trong khi tuổi, tình trạng hôn nhân và trình độ chuyên môn không có sự khác biệt đáng kể. Bệnh viện cần tăng cường các giải pháp hỗ trợ cân bằng công việc cuộc sống và điều chỉnh chính sách theo đặc thù từng khoa để tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc sống nghề nghiệp cho đội ngũ điều dưỡng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kaddourah B, Abu-Shaheen AK, Al-Tannir M. Quality of nursing work life and turnover intention among nurses of tertiary care hospitals in Riyadh: A cross-sectional survey. *BMC Nurs.* 2018;17(1):43. doi:10.1186/s12912-018-0312-0.
2. Alharbi MF, Alahmadi BA, Alali M, Alsaedi S. Quality of nursing work life among hospital nurses in Saudi Arabia: A cross-sectional study. *J Nurs Manag.* 2019;27(8):1722-1730. doi:10.1111/jonm.12863.
3. Lê Thị Thắm, Phạm Lê An, Jacqueline McNeill. Các yếu tố liên quan đến chất lượng cuộc sống nghề nghiệp của điều dưỡng tại bệnh viện. *Tạp chí Y học Việt Nam.* 2023;531(2). doi:10.51298/vmj.v531i2.7175.
4. Nguyễn Thị Kim Liên, Đỗ Thị Hương, Sara Lưu Mỹ. Chất lượng cuộc sống công việc của điều dưỡng tại Bệnh viện Chợ Rẫy. *Tạp chí Y học Việt Nam.* 2022;520(1B). <https://doi.org/10.51298/vmj.v520i1B.3842>

5. Đỗ Thị Hồng Vân, Trần Khánh Quyên, Lê Thị Ngọc Nữ. Thực trạng chất lượng cuộc sống công việc của điều dưỡng viên lâm sàng tại Bệnh viện Quân y 175 năm 2020. *Journal of 108 – Clinical Medicine and Pharmacy*. 2020.

6. Kramer M, & Hafner, L. P. . Shared values: Impact on staff nurse job satisfaction and perceived productivity. *Nursing Research*. 1989(38(3)):172-7.

7. Liu Y, Leeniwa J. Impact of quality of work-life balance on nurse turnover intention in teaching hospitals in China. *J Soc Sci Humanit Lett*. 2024;7(3):18. doi:10.53469/jsshl.2024.07(03).18.